

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG H
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2021.
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhâm.
2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2020/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1956;

Bị đơn: Bà Trần Hồng Đ, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp B, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh B.

(Ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Đ vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Hoàng K trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1979 ông bà tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và đến năm 1980 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Do ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân 02 năm, trong thời gian ly thân ông bà vẫn không tìm được biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Hồng Tím, sinh năm 1980, Nguyễn Thanh Toàn, sinh năm 1983 và Nguyễn Thị Thùy Linh, sinh năm 1985, các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bà Trần Hồng Đ vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Hoàng K được ly hôn với bà Trần Hồng Đ.

Về con chung; tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Hồng Đ, có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Ông Nguyễn Hoàng K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Trần Hồng Đ vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

Năm 1979 ông bà tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau. Theo ông K xác định ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng ông không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án. Tuy nhiên, ông bà chung sống với nhau từ năm 1979, nên căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của ông K: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập ông K và bà Đ đến để hòa giải. Tuy nhiên, bà Đ nhiều lần vắng mặt không lý do, xem như bà tự nguyện từ bỏ quyền tham gia tố tụng của bà, nên cần chấp nhận theo lời trình bày của ông K.

Ông bà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân 02 năm ông bà cũng không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K là phù hợp.

Về con chung; tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Hoàng K được ly hôn với bà Trần Hồng D.

2. Về con chung; tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng K là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y

